TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2024/HS-ST
Ngày: 21-10-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Ven;

2. Ông Võ Văn Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đ tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2024/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 10 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Huỳnh Ngọc T, sinh ngày 11-11-1992, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: Số B, đường C, tổ dân phố I, khu phố H, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ở hiện nay: Ấp Mới 2, xã M, huyện Đ1, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Hữu H và bà Đặng Thị Hoa M; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Không; Tiền sự: Năm 2019 bị Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc từ năm 2019 đến năm 2020; Năm 2021 bị Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc từ năm 2021 đến năm 2022; Nhân thân: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27-10-2023 đến nay. (Có mặt).

2. Trần Quang V, sinh ngày 10-10-1990, tại Long An; Nơi cư trú: Ấp T, xã M1, huyện Đ1, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 4/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn B và bà Trần Thị M1; Vợ: Nguyễn Thị Mỹ L, có 01 con sinh năm 2011; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Tại Bản án số 145/2014/HSST ngày 24/11/2014, Tòa án nhân dân huyện Đ1, tỉnh Long An đã xử phạt 07 năm tù về tội "Cướp tài sản", chấp hành xong hình phạt tháng 3/2019, đã xóa án tích; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27-10-2023 đến nay. (Có mặt).

- *Bị hại:* Ông Nguyễn T1, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Ấp C, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An. (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần An G, sinh năm 1993; Nơi thường trú: Ấp P, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang; Nơi ở hiện nay: Ấp M, xã M, huyện Đ1, tỉnh Long An. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết từ trước, khoảng 16 giờ ngày 26-10-2023, Huỳnh Ngọc T dùng số điện thoại 0906.763.428 của T gọi đến số máy 0367.844.965 của Trần Quang V rủ V cùng đi kiếm tài sản trộm cắp để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. V đồng ý và hẹn T khoảng 22 đến 23 giờ đến đón V tại C thuộc xã M, huyện Đ1, tỉnh Long An. T đến gặp ông Trần An G, là người ở gần phòng trọ của T, mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vario, màu đỏ đen, gắn biển số 68E1-603.74 và nói đi có việc riêng.

Khoảng 22 giờ cùng ngày, T mang theo 01 kiềm cộng lực, điều khiển xe 68E1-603.74 đến đón V như đã hẹn. Gặp nhau, T kêu V điều khiển xe, T ngồi sau chỉ đường, cả hai đi từ xã M đến cầu Đ, hướng về xã B, huyện Đ, tỉnh Long An. Đến xã B, cả hai chạy theo lộ nông thôn để tìm tài sản sơ hở, đi được 1 đoạn phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Astrea màu nâu, biển số 51K1-322.79 để bên trái cặp bờ kênh không người trông coi. T kêu V dừng lại để trộm xe. Khi T xuống xe thì V chạy tới phía trước vị trí xe khoảng 100m để cảnh giới. T đến vị trí để xe phát hiện xe bị khóa vào thân cây tràm bằng dây xích và ổ khóa. T dùng kiềm cộng lực phá khóa, đẩy xe lên bờ lộ và rút dây điện để nổ máy rồi điều khiển theo đường cũ để về. Khi thấy T lấy được xe, V điều khiển xe chạy theo sau T. Đi được khoảng 500m thì phát hiện có người truy đuổi phía sau. T quăn kiềm cộng lực xuống kênh xáng và tiếp tục điều khiển xe bỏ trốn. Khoảng 02 giờ 40 phút ngày 27-10-2023, khi T và V đi đến đoạn đường thuộc ấp C xã B, thì bị người dân cùng lực lượng Công an bắt quả tang. Tại cơ quan điều tra, T và V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Ngoài ra, T khai nhận trước khi bị bắt đã cùng với một người tên N không rõ nhân thân, lai lịch thực hiện trót lọt 03 vụ trộm cắp tài sản gồm: Ngày 10-10-2023, trên địa bàn huyện Đ, trộm 01 xe Dream, không xác định biển số, màu sơn, xe cũ đã qua sử dụng, bán được 450.000 đồng; Ngày 15-10-2023, trên địa bàn huyện Đ, trộm 01 xe Dream, không xác định biển số, màu sơn, xe cũ đã qua sử dụng, bán được 500.000 đồng; Ngày 20-10-2023, trên địa bàn huyện Đ, trộm 01 xe CD, không xác định biển số,

màu sơn, xe cũ đã qua sử dụng, bán được 500.000 đồng; Toàn bộ số tiền thu được đã tiêu xài cá nhân hết.

Vật chứng tạm giữ: Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Astrea màu nâu, biển số 51K1-322.79, kèm theo 01 giấy chứng nhận đăng ký xe tên Lương Văn T2; 01 đoạn dây xích có dạng mắc cong bọc nhựa bên ngoài dài 100cm, 01 ổ khóa Kinbar màu trắng đã bị cắt hư hỏng; Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vario, màu đỏ đen, gắn biển số 68E1-603.74; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia loại TA1080 màu đen của T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, màu xanh đen của T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia loại TA1010 màu đen của V;

Tại Kết luận định giá số 32/KL-TCKH ngày 27-10-2023, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ xác định xe mô tô biển số 51K1-322.79 giá trị 3.500.000 đồng.

Cáo trạng số 18/CT-VKSĐH ngày 01-02-2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố các bị cáo Huỳnh Ngọc T và Trần Quang V về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo T và V khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố; Các bị cáo ăn năn hối cải, cam kết không tiếp tục vi phạm pháp luật, xin được giảm nhẹ hình phạt;

- Lời khai bị hại ông Nguyễn T1 trình bày: Xe mô tô biển số 51K1-322.79 giấy xe tên Lương Văn T2, ông mua lại từ tiệm C khoảng tháng 03/2022, sử sụng chưa sang tên. Vào đêm 26, rạng sáng ngày 27-10-2023 ông đi trực chốt bảo vệ tại ấp C xã B, ông để xe trên bờ kênh bên lề đường liên xã, có dùng dây xích và khóa vào gốc tràm. Sau đó ông đi xuống qua kênh đi làm. Khoảng 02 giờ ngày 27-10-2023, ông nghe tiến chó sủa, nhìn sang thấy 02 đối tượng lạ mặt đẩy xe của ông lên đường và chạy về hướng B. Ông điện thoại báo Công an bắt giữ được hai đối tượng. Ông đã nhận xe và dây xích xong. Ổ khóa hư hỏng ông không yêu cầu nhận lại. Ông không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì trong vụ án này, chỉ yêu cầu xử lý các bị cáo theo quy định của pháp luật.

- Lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần An G trình bày: Xe 68E1-603.74 do vợ chồng ông mua trả góp, nhưng bị nợ xấu nên nhờ anh là Nguyễn Minh V1 đứng tên. Ngày 26-10-2023, khoảng 19 giờ, Huỳnh Ngọc T (chung dãy phòng trọ) đến mượn xe nói đi một chút, không rõ đi đâu, ông đồng ý nhưng kêu trả sớm cho ông đi công việc. Khoảng 23 giờ không thấy T về nên điện thoại cho T nhưng không được. Đến sáng T vẫn chưa về nên ông có báo lại với vợ ông. Đến chiều ngày 27-10-2023 thì vợ ông nói T sử dụng xe đi trộm và bị công an bắt. Ông hoàn toàn không biết việc T mượn xe ông để sử dụng đi trộm tài sản. Ông đã nhận lại xe xong không có yêu cầu gì.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Ngọc T và Trần Quang V về tội "Trộm cắp tài sản";

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 32 Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc T thời hạn tù bằng thời hạn tạm giữ, tạm giam.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 32, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Quang V thời hạn tù bằng thời hạn tạm giữ, tạm giam.

+ Về xử lý vật chứng:

Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Astrea màu nâu, biển số 51K1-322.79, kèm theo 01 giấy chứng nhận đăng ký xe tên Lương Văn T2; 01 đoạn dây xích có dạng mắc cong bọc nhựa bên ngoài dài 100cm; Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả cho chủ sở hữu là ông Nguyễn T1 xong, nên không đề cập;

Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vario, màu đỏ đen, gắn biển số 68E1-603.74; Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả cho chủ sở hữu là ông Trần An G xong, nên không đề cập;

01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia loại TA1080 màu đen của bị cáo T, không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho bị cáo T xong, nên không đề cập;

01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, màu xanh đen của bị cáo T và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia loại TA1010 màu đen của bị cáo V; Đây là phương tiện liên lạc thực hiện tội phạm nên đề nghị tịch thu sung ngân sách nhà nước.

01 ổ khóa Kinbar màu trắng đã bị cắt hư hỏng, không giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

+ Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nguyễn T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần An G không có yêu cầu gì đối với các bị cáo nên không đề cập.

+ Đối với 03 lần trộm xe trót lọt mà bị cáo T khai nhận, không thu được vật chứng, ngoài lời khai của bị cáo T không có tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo T nên không đề cập.

+ Đối với người tên N mà bị cáo T khai là người đã cùng bị cáo T thực hiện 03 lần trộm xe trót lọt, không xác định được nhân thân, lai lịch, không mời làm việc được, Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

+ Đối với ông Trần An G cho bị cáo T mượn xe mô tô, ông G không biết bị cáo T sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội nên nên không đề cập truy cứu trách nhiệm hình sự.

+ Đối với vật chứng là kiềm cộng lực bị cáo T khai đã sử dụng phạm tội, quá trình bỏ trốn bị cáo T quăn xuống kênh xáng, Cơ quan cảnh sát điều tra không thu hồi được nên không đề cập xử lý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can của Cơ quan cảnh sát điều tra, Quyết định phê chuẩn khởi tố bị can và Cáo trạng truy tố bị cáo của Viện kiểm sát đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Khoảng 02 giờ ngày 27-10-2023, tại ấp C, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An, các bị cáo Huỳnh Ngọc T và Trần Quang V đã lén lút lấy trộm xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Astrea màu nâu, biển số 51K1-322.79 của ông Nguyễn T1 và bị bắt quả tang, giá trị xe được xác định là 3.500.000 đồng.

[3] Tại phiên toà, các bị cáo T và V khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo T và V phù hợp khách quan với Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập lúc 02 giờ 40 phút, ngày 27-10-2023, lời khai bị hại cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

[4] Các bị cáo T và V đủ lý trí và năng lực để nhận thức được việc xâm phạm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Quá trình thực hiện hành vi phạm tội, giữa các bị cáo T và V không có sự bàn bạc, phân công cụ thể vai trò, trách nhiệm, cách thức thực hiện tội phạm cho từng bị cáo, không có sự câu kết chặc chẽ giữa các bị cáo, hành vi của các bị cáo thực hiện với hình thức đồng phạm giản đơn theo quy định tại Điều 17 Bộ luật Hình sự.

[5] Đã đủ căn cứ kết luận hành vi của các bị cáo T và V phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Cáo trạng số 18/CT-VKSĐH ngày 01-02-2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố các bị cáo T và V với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[7] Hành vi của các bị cáo T và V là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương, gây nghi ngờ và bất bình trong quần chúng nhân dân; Hành vi của các bị cáo cần được xử lý nghiêm, các bị cáo có nhân thân xấu, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[8] Trong vụ án, vai trò và mức độ thực hiện hành vi của các bị cáo khác nhau. Bị cáo T với vai trò là người khởi xướng, chủ mưu, cầm đầu và thực hành một cách tích cực, có chuẩn bị phương tiện và dụng cụ để thực hiện hành vi phạm tội; Hành vi của bị cáo T là nguy hiểm hơn đối với bị cáo V; Bị cáo V với vai trò là người giúp sức, là người thực hành cảnh giới một cách tích cực, tuy nhiên, hành vi của bị cáo V ít nguy hiểm hơn bị cáo T.

[9] Xét bị cáo T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá điều tra, truy tố và xét xử, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xét trong quá điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo V thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với các bị cáo T và V là có căn cứ pháp luật.

[11] Đối với ông Trần An G cho bị cáo T mượn xe mô tô, ông G không biết bị cáo T sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội nên nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ không đề cập xử lý trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[12] Đối với 03 lần trộm xe trót lọt bị cáo T khai, không thu được vật chứng, ngoài lời khai của bị cáo T, không có tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo T nên không đề cập là phù hợp; Đối với người tên N mà bị cáo T khai đã cùng bị cáo T thực hiện 03 lần trộm xe trót lọt, không xác định được nhân thân, lai lịch, không mời làm việc được, Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau là phù hợp; Nhằm tránh bỏ lọt tội phạm không được xử lý, kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

[13] Về xử lý vật chứng, căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các Điều 46, 47 và 48 của Bộ luật Hình sự, xét thấy:

[13.1] Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Astrea màu nâu, biển số 51K1-322.79, kèm theo 01 giấy chứng nhận đăng ký xe tên Lương Văn T2; 01 đoạn dây xích có dạng mắc cong bọc nhựa bên ngoài dài 100cm; Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả cho chủ sở hữu là ông Nguyễn T1 theo Quyết định xử lý vật chứng số 01/CQCSĐT ngày 18-12-2023 và Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 20-12-2023 xong, nên không đề cập là phù hợp;

[13.2] Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vario, màu đỏ đen, biển số 68E1-603.74; Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả cho chủ sở hữu là ông Trần An G theo Quyết định xử lý vật chứng số 02/CQCSĐT ngày 18-12-2023 và Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 21-12-2023 xong, nên không đề cập là phù hợp;

[13.3] 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia loại TA1080 màu đen của bị cáo T, không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho bị cáo T theo Quyết định xử lý vật chứng số 12/CQCSĐT ngày 17-01-2024 và Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 18-01-2024 xong, nên không đề cập là phù hợp;

[13.4] 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, màu xanh đen của bị cáo T và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia loại TA1010 màu đen của bị cáo V; Đây là phương tiện liên lạc thực hiện tội phạm nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước là phù hợp.

01 ổ khóa Kinbar màu trắng đã bị cắt hư hỏng, không giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy là phù hợp.

Vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ đang quản lý.

[13.5] Đối với vật chứng là kiềm cộng lực bị cáo T khai đã sử dụng thực hiện hành vi phạm tội, quá trình bỏ trốn bị cáo T quăng xuống kênh xáng, Cơ quan cảnh sát điều tra không thu hồi được nên không đề cập xử lý là phù hợp.

[14] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là ông Nguyễn T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần An G đều đã nhận lại tài sản xong, trong lời khai không có yêu cầu gì nên không đề cập.

[15] Về án phí, căn cứ các Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xét thấy: Các bị cáo T và V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố: Các bị cáo Huỳnh Ngọc T và Trần Quang V phạm tội "Trộm cắp tài sản".

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 32, Điều 17, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, các Điều 299, 326 và khoản 5 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc T 11 (mười một) tháng 24 (hai mươi bốn) ngày tù; Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo Huỳnh Ngọc T bị tạm giữ, tạm giam (ngày 27-10-2023). Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

Trả tự do ngay tại phiên toà cho bị cáo Huỳnh Ngọc T, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 32, Điều 17, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, các Điều 299, 326 và khoản 5 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Quang V 11 (mười một) tháng 24 (hai mươi bốn) ngày tù; Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo Trần Quang V bị tạm giữ, tạm giam (ngày 27-10-2023). Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

Trả tự do ngay tại phiên toà cho bị cáo Trần Quang V, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

- Về xử lý vật chứng, áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và các Điều 46, 47 và 48 của Bộ luật Hình sự:

+ Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, màu xanh đen của bị cáo T và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia loại TA1010 màu đen của bị cáo V, là phương tiện liên lạc thực hiện tội phạm.

+ Tịch thu, tiêu hủy 01 ổ khóa Kinbar màu trắng đã bị cắt hư hỏng, không giá trị sử dụng.

Vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Long An đang quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số 11/QĐ-VKSĐH ngày 01-02-2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An và Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 07-02-2024.

- Về án phí: Áp dụng các Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Huỳnh Ngọc T và Trần Quang V mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án (ngày 21-10-2024). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Bị cáo; Bị hại; Liên quan;
- UBND phường B, xã M, xã M;
- Hồ sơ THA.HS (07);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- Lưu: Hồ sơ, án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hùng Vương